

**DANH MỤC**  
**TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015**

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ghi chú
<b>I. Thủ tục theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng</b>				
1.	Chính sách chất lượng	CSCCL	01	
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	01	
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	01	
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	QT-01	01	
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02	01	
6.	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	QT-03	01	
7.	Quy trình kiểm soát và xử lý công việc không phù hợp	QT-04	01	
8.	Quy trình thực hiện hành động khắc phục	QT-05	01	
9.	Quy trình xem xét của lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng	QT-06	01	
<b>II. Quy trình giải quyết TTHC</b>				
10.	Quy trình tiếp nhận, thụ lý và trả kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính	QT-07	01	
<b>1. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG - KIẾN TRÚC</b>				
11.	Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	QT-01/QHXDKT	01	
12.	Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	QT-02/QHXDKT	01	
13.	Thủ tục Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	QT-03/QHXDKT	01	
14.	Thủ tục Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	QT-04/QHXDKT	01	
15.	Thủ tục Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	QT-05/QHXDKT	01	
16.	Thủ tục Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến của người nước ngoài ở Việt Nam	QT-06/QHXDKT	01	
17.	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	QT-07/QHXDKT	01	

18.	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.	QT-08/QHXDKT	01	
19.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	QT-09/QHXDKT	01	
<b>2. LĨNH VỰC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG</b>				
20.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.	QT-01/QLXD	01	
21.	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh.	QT-02/QLXD	01	
22.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	QT-03/QLXD	01	
23.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	QT-04/QLXD	01	
24.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	QT-05/QLXD	01	
25.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	QT-06/QLXD	01	
26.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	QT-07/QLXD	01	
27.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	QT-08/QLXD	01	
28.	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	QT-09/QLXD	01	
29.	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	QT-10/QLXD	01	
30.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II,	QT-11/QLXD	01	

	hạng III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng)			
31.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (bị ghi sai thông tin)	QT-12/QLXD	01	
32.	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	QT-13/QLXD	01	
33.	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III của cá nhân là người nước ngoài	QT-14/QLXD	01	
34.	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III	QT-15/QLXD	01	
35.	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III	QT-16/QLXD	01	
36.	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do mất, hư hỏng)	QT-17/QLXD	01	
37.	Cấp cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (do lỗi của cơ quan cấp)	QT-18/QLXD	01	
38.	Cấp điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	QT-19/QLXD	01	
39.	Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng chứng chỉ hạng II, hạng III	QT-20/QLXD	01	
40.	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.	QT-21/QLXD	01	
41.	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.	QT-22/QLXD		
<b>3. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN</b>				
42.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư.	QT-01/KDBĐS	01	
43.	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh quyết định việc đầu tư	QT-02/KDBĐS	01	
44.	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	QT-03/KDBĐS	01	
45.	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	QT-04/KDBĐS	01	
<b>4. LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ</b>				
46.	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	QT-01/NOCS	01	
47.	Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	QT-02/NOCS	01	
48.	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	QT-03/NOCS	01	
49.	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất liền kề với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 2 Điều 71 Nghị	QT-04/NOCS	01	

	định số 99/2015/NĐ-CP			
50.	Giải quyết chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước quy định tại Khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	QT-05/NOCS	01	
51.	Công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại được chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư)	QT-06/NOCS	01	
52.	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án không sử dụng nguồn vốn hoặc hình thức quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 6 Điều 99 của Luật PPP số 64/2020/QH14 trên phạm vi địa bàn tỉnh.	QT-07/NOCS	01	
53.	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	QT-08/NOCS	01	
54.	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	QT-09/NOCS	01	
55.	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	QT-10/NOCS	01	
56.	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	QT-11/NOCS	01	
57.	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	QT-12/NOCS	01	
58.	Công nhận hạng/ công nhận lại hạng nhà chung cư	QT-13/NOCS		
59.	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	QT-14/NOCS		
<b>5. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG</b>				
60.	Thủ tục Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình (đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng và cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành).	QT-01/GĐNN	01	
61.	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	QT-02/GĐNN	01	
62.	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh	QT-03/GĐNN	01	
63.	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	QT-04/GĐNN	01	
64.	Thủ tục miễn nhiệm, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	QT-05/GĐNN		
<b>6. LĨNH VỰC THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU NGÀNH XÂY DỰNG</b>				
65.	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần	QT-01/TN	01	

	đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động).			
66.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng).	QT-02/TN	01	
67.	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp).	QT-03/TN	01	
68.	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng).	QT-04/TN	01	
<b>7. LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG</b>				
69.	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	QT-01/VLXD	01	